

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 703/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 01 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Giao chỉ tiêu thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ -TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Văn bản số 4372/SYT-KHTC ngày 24 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tại biểu kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Y tế:

- Căn cứ kết quả thực hiện hằng năm, nội dung hướng dẫn của Bộ Y tế, tình hình thực tiễn của địa phương và chỉ tiêu giao của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định này để xây dựng kế hoạch giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể hằng năm đến các đơn vị trực thuộc, địa phương và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan triển khai nhiệm vụ “Hỗ trợ đào tạo Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và sinh viên ngành Điều dưỡng, các ngành thuộc nhóm ngành Kỹ thuật Y học cho các huyện nghèo, khó khăn, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” theo quy trình, hướng dẫn của Bộ Y tế tại Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05 tháng 9 năm 2022 và các quy định liên quan hiện hành.

Điều 3. Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc

PHỤ LỤC

CHỈ TIÊU THỰC HIỆN DỰ ÁN 7-CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG, CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021- 2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025

(kèm theo Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021-2025	Địa phương									
				Kon Tum	Đăk Hà	Đăk Tô	Tu Mơ Rông	Ngọc Hồi	Đăk Glei	Sa Thầy	Kon Rẫy	Kon Plông	Ia H'Drai
I	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ CƠ SỞ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI (viết gọn vùng ĐBDTTS&MN)												
1	Bệnh bại liệt			không có vi rút bại liệt hoang dại trên địa bàn tỉnh									
II	NỘI DUNG 2. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DÂN SỐ VÙNG ĐBDTTS&MN												
2	Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ nam, nữ thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các xã có triển khai	%	28	Không có xã khu vực III	43	38	26	21	31	30	26	25	13

	can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN												
3	Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát, sàng lọc trước sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN	%	23	Không có xã khu vực III	34	27	24	14	26	25	24	21	14
4	Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát, sàng lọc sơ sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN	%	29	Không có xã khu vực III	42	36	29	21	32	31	31	25	13
5	Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm tại các xã thuộc vùng ĐBDTTS&MN	%	63	60	65	65	65	55	65	65	65	65	60
6	Chỉ tiêu 5: Tăng thêm tỷ lệ % người sử dụng dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình tại các xã có triển khai chiến dịch tại khu vực	%	60	50	65	60	65	50	65	65	60	65	55

	III và II thuộc vùng ĐBDTTS&MN												
III	NỘI DUNG 3. CHĂM SÓC SỨC KHỎE, DINH DƯỠNG BÀ MẸ VÀ TRẺ EM NHẪM GIẢM TỬ VONG BÀ MẸ, TỬ VONG TRẺ EM, NÂNG CAO TẦM VÓC, THỂ LỰC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ												
*	Chỉ tiêu, nhiệm vụ về Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời												
7	Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân (tại các xã khu vực III) giảm so với năm 2022	%	1,1	Không có xã khu vực III	1,0	1,2	1,2	1,4	1,2	1,0	1,1	1,4	0,9
8	Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm (tại các xã khu vực III) giảm so với năm 2022	%	0,6	Không có xã khu vực III	0,3	0,3	3,0	0,3	0,3	0,3	0,3	3,0	3,0

*	Chỉ tiêu, nhiệm vụ về Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em												
13	Chỉ tiêu 7: Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	<29	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Chỉ tiêu 8: Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thai kỳ	%	75,0	80,0	75,0	67,0	55,0	75,0	60,0	75,0	65,0	55,0	50,0
15	Chỉ tiêu 9: Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của nhân viên y tế	%	90,0	95,0	93,0	90,0	88,0	93,0	90,0	88,0	91,0	85,0	95,0
16	Chỉ tiêu 10: Tỷ lệ phụ nữ tại các xã khu vực III để được chăm sóc sau sinh tại nhà 3 lần trong 42 ngày sau sinh	%	45,0	Không có xã khu vực III	50,0	30,0	50,0	65,0	30,0	50,0	51,0	30,0	46,0
17	Chỉ tiêu 11: Tỷ lệ trẻ em dưới 2 tuổi tại các xã khu vực III được khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần	%	65,0	Không có xã khu vực III	70,0	70,0	70,0	70,0	65,0	60,0	60,0	60,0	60,0

